

BÁO CÁO
Thẩm tra sơ bộ dự án Luật Viễn thông (sửa đổi)

Kính gửi: Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Theo Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023 của Quốc hội, Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường (KH, CN & MT) được giao nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban khác của Quốc hội thẩm tra dự án Luật Viễn thông (sửa đổi) (sau đây gọi là dự án Luật).

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Thường trực Ủy ban KH, CN & MT đã tổ chức các đợt khảo sát¹, hội thảo², tham vấn các chuyên gia, nhà quản lý; lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan của dự án Luật; đề nghị Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban khác của Quốc hội tham gia thẩm tra³.

Ngày 07/4/2023, Thường trực Ủy ban KH, CN & MT đã tổ chức Phiên họp mở rộng thẩm tra sơ bộ dự án Luật theo Tờ trình số 97/TTr-CP ngày 31/3/2023 của Chính phủ. Tham dự Phiên họp có đại diện các cơ quan của Quốc hội, Cơ quan chủ trì soạn thảo dự án Luật (Bộ Thông tin và Truyền thông), một số cơ quan, tổ chức có liên quan⁴. Thường trực Ủy ban KH, CN & MT xin báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) ý kiến thẩm tra sơ bộ dự án Luật như sau:

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. Về sự cần thiết ban hành Luật Viễn thông (sửa đổi)

Thường trực Ủy ban KH, CN & MT cơ bản tán thành với sự cần thiết ban hành Luật Viễn thông (sửa đổi) với những lý do như đã nêu trong Tờ trình của

¹ Khảo sát tại các doanh nghiệp: Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam (VNPT), Tập đoàn Masan, Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel), Công ty cổ phần Viễn thông di động Vietnamobile, Tổng Công ty Viễn thông toàn cầu (Gtel), Công ty Cổ phần NetNam, Công ty Viễn thông Đông Dương, Công ty Cổ phần hạ tầng viễn thông CMC, Công ty Cổ phần VNG, Công ty Cổ phần viễn thông FPT; UBND các tỉnh An Giang, Tây Ninh, Lai Châu, Lào Cai và đi thực địa trạm BTS (Trạm LCI tọa độ (22.541395, 103.77558), địa chỉ thôn Pờ Sì Ngài xã Bản Xèo huyện Bát Xát của VNPT Lào Cai; trạm LCI436-13 tọa độ (22.42905; 103.88353) xã Trung Chải huyện Sa Pa của Viettel Lào Cai).

² Đã phối hợp với Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) tổ chức hội thảo ngày 23/3/2023; phối hợp với Hội Tin học Việt Nam, Hội Điện tử - Viễn thông Việt Nam, Hiệp hội Internet Việt Nam tổ chức hội thảo ngày 06/4/2023.

³ Tính đến hết ngày 09/4/2023, Thường trực Ủy ban KH, CN & MT đã nhận được báo cáo tham gia thẩm tra của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban: Xã hội, Tư pháp, Văn hóa, giáo dục, Tài chính - Ngân sách.

⁴ Hội đồng Dân tộc, Ủy ban Pháp luật, Ủy ban Kinh tế, Ủy ban Tài chính - Ngân sách, Viện Nghiên cứu lập pháp, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bộ Thông tin và Truyền thông...

Chính phủ, nhằm thể chế hóa nội dung Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết số 52/NQ-TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Việc sửa đổi Luật Viễn thông được ban hành cách đây 13 năm nhằm thể chế hóa kịp thời những yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thực hiện các cam kết quốc tế; góp phần phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực viễn thông, thực hiện mục tiêu xây dựng hạ tầng số đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế số, xã hội số; đồng thời, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ với các quy định của pháp luật hiện hành, khắc phục những bất cập, khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện Luật Viễn thông thời gian qua.

Tuy nhiên, nhiều ý kiến cho rằng Tờ trình chưa làm nổi bật được sự cần thiết phải sửa đổi Luật Viễn thông một cách toàn diện, đặc biệt là bối cảnh khoa học, công nghệ đang phát triển nhanh chóng, xu hướng hội tụ, giao thoa giữa viễn thông, công nghệ thông tin, công nghệ số, tự động hóa, phát thanh, truyền hình... dẫn tới việc khó phân biệt rạch ròi ranh giới giữa các lĩnh vực này, phần nào gây lúng túng trong quá trình xây dựng các chế định pháp lý phù hợp. Do đó, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo cần nghiên cứu bổ sung thông tin, làm rõ hơn về tính cấp thiết, quan điểm xây dựng Luật trong bối cảnh mới.

2. Về hồ sơ, thời gian trình dự án Luật

Thường trực Ủy ban KH,CN&MT nhận thấy, hồ sơ dự án Luật cơ bản đáp ứng yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều 64 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Tuy nhiên, hồ sơ dự án Luật gửi tới Cơ quan chủ trì thẩm tra của Quốc hội còn chậm, chưa đảm bảo thời gian theo quy định⁵, ảnh hưởng đến hoạt động thẩm tra và cho ý kiến đối với dự án Luật.

Mặt khác, qua rà soát, Thường trực Ủy ban KH,CN&MT thấy rằng báo cáo đánh giá tác động của các chính sách, mặc dù về cơ bản đã đáp ứng theo quy định của Điều 35 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, nhưng một số nhận định, đánh giá vẫn còn chung chung, thiếu cụ thể; đánh giá tác động của chính sách về kinh tế, xã hội chưa thể hiện đúng như quy định tại Điều 6 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/05/2016 của Chính phủ quy định chi tiết về một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật⁶. Bên cạnh đó, Thường trực Ủy ban KH,CN&MT còn nhận thấy, chính sách “*về quản lý dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông*” trong hồ sơ dự án Luật mà

⁵ Khoản 2 Điều 64 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: chậm nhất 20 ngày trước ngày bắt đầu phiên họp Ủy ban Thường vụ Quốc hội, cơ quan trình dự án Luật phải gửi hồ sơ đến cơ quan chủ trì thẩm tra, Ủy ban Pháp luật, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban khác để tiến hành thẩm tra, tham gia thẩm tra.

⁶ Điều 6 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/05/2016 của Chính phủ quy định: tác động về kinh tế, tác động về xã hội là 02 đánh giá riêng, độc lập nhau.

Chính phủ trình lần này là *chính sách mới*, không có trong hồ sơ dự án Luật mà Chính phủ trình UBTVQH tại Phiên họp thứ 10 (tháng 4/2022) để đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023. Hơn nữa, chính sách này chưa được đánh giá tác động đầy đủ, lấy ý kiến của các Bộ, ngành có liên quan. Vì vậy, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung thông tin, hoàn thiện hồ sơ trình Quốc hội.

Thường trực Ủy ban KH,CN&MT nhận thấy hồ sơ cơ bản đã đủ điều kiện để trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến tại kỳ họp thứ 5 (tháng 5/2023).

3. Về tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật

Thường trực Ủy ban KH,CN&MT nhận thấy, nhìn chung nội dung dự thảo Luật phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng⁷, quy định của Hiến pháp năm 2013. Dự thảo Luật đã kế thừa hợp lý các quy định của Luật hiện hành; bổ sung một số quy định mới; sửa đổi, bổ sung nhiều quy định để khắc phục bất cập trong thực tiễn. Tuy nhiên, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát các quy định được sửa đổi, bổ sung của dự thảo Luật để phù hợp với các luật khác có liên quan như các luật hiện hành trong lĩnh vực thông tin và truyền thông⁸, lĩnh vực *tư pháp*⁹, Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp¹⁰, Luật Cạnh tranh¹¹, Luật Đấu giá tài sản¹², Luật Quản lý và sử dụng tài sản công¹³... để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

Ngoài ra, Thường trực Ủy ban KH,CN&MT đề nghị *cần rà soát, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất quy định của dự thảo Luật này với các quy định của các luật khác đang trình Quốc hội xem xét, thông qua trong thời gian tới như dự án Luật Đất đai (sửa đổi), Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (sửa đổi), Luật Căn cước công dân (sửa đổi), Luật Giá (sửa đổi), Luật Đấu thầu (sửa đổi)...*

4. Về tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên

Về vấn đề này, Thường trực Ủy ban KH,CN&MT thấy rằng, phần lớn các nội dung của dự thảo Luật phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan mà

⁷ Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; Nghị quyết số 52/NQ-TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

⁸ Như: Luật Công nghệ thông tin, Luật An toàn thông tin mạng, Luật An ninh mạng, Luật Tàn số vô tuyến điện... liên quan đến vấn đề bảo mật, an toàn, an ninh mạng, an ninh thông tin.

⁹ Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13; Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13; Luật Tố tụng hành chính số 93/2015/QH13; Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13; Luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13; Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14 (theo Báo cáo số 1980/BC-UBTP15 ngày 5/4/2023 của Ủy ban Tư pháp của Quốc hội).

¹⁰ Về đầu tư trong kinh doanh dịch vụ viễn thông.

¹¹ Cần làm rõ khái niệm “Phương tiện thiết yếu...” trong dự thảo Luật với quy định về “... có vị trí độc quyền” và “... có vị trí thống lĩnh thị trường” tại Điều 24, Điều 25 Luật Cạnh tranh.

¹² Các quy định về đấu giá quyền sử dụng kho số viễn thông, tên miền Internet.

¹³ Các quy định về sử dụng tài sản công (trụ sở làm việc là đất, nhà và tài sản khác gắn liền với đất phục vụ hoạt động quản lý của cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội...) để xây dựng, lắp đặt công trình viễn thông.

Việt Nam là thành viên. Tuy nhiên, việc bổ sung quy định “*có sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan quản lý chuyên ngành của Bộ Thông tin và Truyền thông*” như khoản 3 Điều 48 dự thảo Luật có thể chưa bảo đảm nguyên tắc cam kết về việc loại bỏ các yêu cầu phê duyệt đối với kết nối mạng viễn thông dùng riêng theo quy định của Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiên bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)¹⁴ và các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mà Việt Nam là thành viên.

Do đó, Thường trực Ủy ban KH,CN&MT đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát tổng thể các quy định, điều ước quốc tế có liên quan để hoàn thiện dự án Luật, bảo đảm tính tương thích.

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỤ THỂ

1. Những quy định chung (Chương I)

1.1. Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

Về cơ bản, Thường trực Ủy ban KH,CN&MT tán thành với việc mở rộng phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật¹⁵ đối với dịch vụ (1) trung tâm dữ liệu; (2) điện toán đám mây và (3) ứng dụng Internet trong viễn thông (OTT- Over The Top) vì phù hợp với xu hướng phát triển của viễn thông trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ và xu hướng hội tụ trong lĩnh vực này ngày càng trở nên rõ ràng. Một số dịch vụ hoạt động trên nền tảng viễn thông tuy mới xuất hiện nhưng cũng cần có pháp luật điều chỉnh ở mức độ nhất định với phương thức phù hợp, vừa đáp ứng yêu cầu quản lý vừa tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực này. Thí dụ, qua nghiên cứu kinh nghiệm nhiều nước trên thế giới¹⁶ cho thấy, khái niệm *mạng viễn thông* và *cơ sở hạ tầng viễn thông* có nội hàm rộng. Ngoài thiết bị viễn thông, đường truyền dẫn, công trình viễn thông còn có thêm thành phần *lưu trữ*, thành phần *hạ tầng công nghệ thông tin*. Do đó, việc đưa trung tâm dữ liệu trở thành một cấu phần của cơ sở hạ tầng viễn thông là phù hợp với xu thế, cần thiết để đáp ứng yêu cầu phát triển hạ tầng viễn thông trong giai đoạn hiện nay.

Tuy nhiên, có ý kiến đề nghị cân nhắc thêm về việc mở rộng phạm vi điều chỉnh và các quy định có liên quan trong dự thảo Luật đối với những nội dung mở rộng này, tránh sự trùng lặp, chồng chéo. Đồng thời, cần nghiên cứu thiết kế quy định trong dự thảo Luật đối với 03 loại dịch vụ mới nêu trên theo hướng

¹⁴ Chú thích 4 Điều 13.4.2 (c) Hiệp định CPTPP có quy định: Ở Việt Nam, các mạng được phép thiết lập với mục đích thực hiện, trên cơ sở phi thương mại, việc liên lạc thoại và truyền dữ liệu giữa các thành viên của một nhóm người sử dụng đóng chỉ có thể kết nối trực tiếp với nhau nếu được chấp nhận bằng văn bản của cơ quan quản lý viễn thông. Việt Nam đảm bảo rằng khi có yêu cầu, người nộp đơn xin phép sẽ nhận được lý do giải thích về việc từ chối cấp phép đó. Việt Nam sẽ xem xét lại yêu cầu phải có sự chấp nhận bằng văn bản trong thời hạn hai năm kể từ ngày Hiệp định này có hiệu lực đối với Việt Nam".

¹⁵ Bổ sung thêm trung tâm dữ liệu vào cơ sở hạ tầng viễn thông và dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông (OTT- Over The Top) là dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng.

¹⁶ Theo Báo cáo số 24/BC-BTTTT ngày 23/02/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông đánh giá tác động của dự án Luật Viễn thông (sửa đổi), có nêu nghiên cứu nhiều nước trên thế giới như: Anh, Bahamas, Bahrain, Malta, Finland, Indonesia, Mexico, Nam Phi.

mở, mang tính nguyên tắc để phù hợp với xu thế thay đổi của các dịch vụ mới và thể hiện quan điểm của Nhà nước về việc khuyến khích đổi mới sáng tạo đối với các dịch vụ mới này. Cụ thể là:

- Luật Công nghệ thông tin năm 2006 đã quy định khái niệm "Cơ sở hạ tầng thông tin" tại khoản 4 Điều 4 là "*hệ thống trang thiết bị phục vụ cho việc sản xuất, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin số, bao gồm mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính và cơ sở dữ liệu*"; khoản 6 Điều 52 quy định "*loại hình dịch vụ công nghệ thông tin là hoạt động cập nhật, tìm kiếm, lưu trữ, xử lý dữ liệu và khai thác cơ sở dữ liệu*". Luật Công nghệ thông tin hiện hành có điều chỉnh về lưu trữ, xử lý dữ liệu trong thuật ngữ "*công nghệ thông tin*" và "*cơ sở hạ tầng thông tin*" có nội hàm giao thoa với khái niệm hạ tầng viễn thông, có quy định về lưu trữ, xử lý dữ liệu trong hoạt động viễn thông trong dự thảo Luật.

- Việc dự thảo Luật bổ sung các quy định về quản lý trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây và quản lý ứng dụng Internet trong viễn thông - OTT vào đối tượng điều chỉnh và quản lý như dịch vụ viễn thông có thể ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển của các loại hình dịch vụ mới này. Mặc dù OTT chỉ có thể được cung cấp dựa trên kết nối Internet nhưng OTT có những khác biệt với dịch vụ viễn thông (không có cơ sở hạ tầng, băng tần...). Việc áp dụng các nghĩa vụ của nhà cung cấp dịch vụ viễn thông đối với các loại hình dịch vụ này có thể sẽ làm tăng chi phí tuân thủ của các doanh nghiệp liên quan, ảnh hưởng đến những lợi ích mà dịch vụ đó có thể mang lại đối với nền kinh tế và tác động không tốt đến thu hút đầu tư nước ngoài vào việc phát triển các trung tâm dữ liệu hay cung cấp dịch vụ điện toán đám mây tại Việt Nam.

Với những lý do nêu trên, Thường trực Ủy ban KH,CN&MT đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm lập pháp về vấn đề này trên thế giới, nhất là các quốc gia trong khu vực, có các đặc điểm tương đồng với Việt Nam; đồng thời phân tích, làm rõ hơn, thuyết phục hơn về việc mở rộng phạm vi điều chỉnh của dự án Luật.

Ngoài ra, với phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật được mở rộng so với Luật Viễn thông hiện hành, đề nghị cần báo cáo rõ với UBTVQH, Quốc hội về việc định hướng thiết kế hệ thống các luật liên quan đến lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông trong thời gian tới (như công nghệ thông tin, viễn thông, bưu chính, công nghiệp công nghệ số...) để phát huy tác dụng cộng hưởng, bảo đảm tính thống nhất, tránh chồng chéo về phạm vi điều chỉnh, nhất là đối với các loại hình dịch vụ, mô hình kinh doanh mới.

1.2. Về chính sách của Nhà nước về viễn thông (Điều 4)

Có ý kiến đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung chính sách của Nhà nước về viễn thông để cụ thể hóa yêu cầu của Đảng được thể hiện trong Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, đó là: "*Phát triển mạnh khu vực dịch vụ dựa trên nền tảng ứng dụng những thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại, nhất là các dịch vụ có giá trị gia tăng cao. Tập trung phát triển mạnh một số ngành dịch vụ như: du lịch, thương*

*mai, viễn thông... tạo bút phá trong phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông, xây dựng, kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia..."*¹⁷. Thường trực Ủy ban KH,CN&MT đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu bổ sung chính sách này.

1.3. Về bảo đảm bí mật thông tin (Điều 6)

- Có ý kiến cho rằng, điểm b khoản 4 Điều 6 dự thảo Luật quy định cho phép các doanh nghiệp viễn thông thỏa thuận để trao đổi, cung cấp thông tin liên quan đến người sử dụng dịch vụ viễn thông nhưng không quy định ràng buộc trách nhiệm của các tổ chức này trong việc phải thông báo cho khách hàng về việc sử dụng thông tin của khách hàng để trao đổi, cung cấp cho các đơn vị viễn thông khác là chưa thực sự bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người sử dụng dịch vụ. Do đó, Thường trực Ủy ban KH,CN&MT đề nghị quy định rõ trong trường hợp các doanh nghiệp viễn thông có thỏa thuận bằng văn bản về việc trao đổi, cung cấp thông tin liên quan đến người sử dụng dịch vụ viễn thông thì cần có hình thức thông báo và được sự đồng thuận của khách hàng sử dụng dịch vụ viễn thông về các thông tin sẽ được trao đổi, cung cấp với đơn vị khác. Việc khai thác, sử dụng thông tin khách hàng phải đảm bảo tuân thủ Điều 21 Hiến pháp năm 2013 và quy định pháp luật có liên quan¹⁸.

- Dự thảo Luật quy định OTT là dịch vụ viễn thông. Đồng thời, theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 6 dự thảo Luật, các doanh nghiệp viễn thông phải cung cấp cho cơ quan nhà nước **đanh tính cụ thể của người sử dụng dịch vụ viễn thông** khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Thường trực Ủy ban KH,CN&MT nhận thấy việc quy định này là chưa phù hợp, khó khả thi vì khác với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông truyền thống, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ OTT không có thông tin chính xác về danh tính cụ thể của người sử dụng. Do đó, Thường trực Ủy ban KH,CN&MT đề nghị nghiên cứu, cân nhắc về quy định này.

1.4. Về quyền, nghĩa vụ của doanh nghiệp viễn thông (Điều 13)

Có ý kiến cho rằng, quy định doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hạ tầng mạng có quyền “*được sử dụng không gian, mặt đất, lòng đất, đáy sông, đáy biển, đất công để xây dựng cơ sở hạ tầng viễn thông theo đúng quy hoạch, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật*” (điểm a khoản 3 Điều 13) là chưa chặt chẽ vì bên cạnh việc tuân thủ quy hoạch, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, khi xây dựng cơ sở hạ tầng viễn thông sử dụng đất phải tuân thủ các quy định của Luật Đất đai, việc sử dụng tài sản công phải tuân thủ các quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Do đó, đề nghị rà soát để quy định cho phù hợp, bảo đảm tuân thủ các quy định của Luật Đất đai và các luật có liên quan khác. Tương tự, cần rà soát, chỉnh sửa quy định tại Điều 64 cho phù hợp, thống nhất¹⁹.

2. Về kinh doanh viễn thông (Chương II)

¹⁷ Ý kiến tham gia thẩm tra của Ủy ban Tư pháp của Quốc hội.

¹⁸ Ý kiến tham gia thẩm tra của Ủy ban Tài chính – Ngân sách.

¹⁹ Ý kiến tham gia thẩm tra của Ủy ban Tài chính – Ngân sách.

2.1. Về quản lý dịch vụ OTT viễn thông (Điều 23)

Thường trực Ủy ban KH,CN&MT nhận thấy, dịch vụ OTT²⁰ viễn thông về bản chất là dịch vụ sử dụng mạng viễn thông để cung cấp các ứng dụng công nghệ thông tin (như Zalo, Viber, Telegram...). Dịch vụ này hoạt động trên nền tảng Internet mở; người dùng dịch vụ có thể tự do sử dụng đồng thời nhiều ứng dụng hoặc tùy ý thay đổi nhà cung cấp dịch vụ viễn thông mà không phải cần sự đồng ý của nhà cung cấp dịch vụ và không mất bất kỳ chi phí nào; OTT viễn thông có chức năng hội thoại (telephone or voice over internet), họp trực tuyến (video conference), trao đổi trực tuyến (chat), tin nhắn (messaging)... và không thu phí. Các đặc điểm này dẫn đến việc sử dụng dịch vụ OTT phát triển rất nhanh, ảnh hưởng lớn đến doanh thu của các dịch vụ tin nhắn và thoại truyền thống của các doanh nghiệp viễn thông ở nhiều quốc gia bao gồm cả thị trường Việt Nam.

Thường trực Ủy ban KH,CN&MT thấy rằng, quản lý dịch vụ OTT viễn thông là chính sách quan trọng, có tác động lớn đến người dân, doanh nghiệp, đến công cuộc chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số mà Đảng và Nhà nước đang thúc đẩy. Vì vậy, Thường trực Ủy ban KH,CN&MT nhất trí với đánh giá về việc pháp luật hiện hành chưa có quy định quản lý sẽ dẫn đến việc không bảo đảm quyền lợi của người sử dụng, an toàn, an ninh thông tin, do đó dịch vụ OTT cần phải được quản lý theo cách thức phù hợp.

Tuy nhiên, cũng có một số ý kiến băn khoăn về cách thức quản lý như quy định của dự thảo Luật, cụ thể như sau:

- Quy định “*Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet có thu cước hoặc không thu cước nhưng có số lượng người sử dụng dịch vụ hoặc phát sinh lưu lượng dịch vụ tại thị trường Việt Nam vượt mức ngưỡng phải có biện pháp bảo đảm sự hoạt động ổn định của dịch vụ*” tại khoản 1 Điều 23 dự thảo Luật là khó khả thi vì việc cung cấp các dịch vụ này phụ thuộc vào khả năng truy cập Internet do các doanh nghiệp viễn thông cung cấp. Đồng thời, các nhà cung cấp dịch vụ này cũng không kiểm soát được việc người tiêu dùng chọn mạng nào. Các nhà cung cấp dịch vụ trực tuyến cũng không thể bảo đảm sự hoạt động ổn định của dịch vụ hoặc khắc phục các vấn đề về chất lượng dịch vụ.

- Quy định “*Việc cung cấp dịch vụ viễn thông qua biên giới đến người sử dụng dịch vụ trên lãnh thổ Việt Nam, trừ các dịch vụ quy định tại Điều 23, Điều 24 của Luật này, phải thực hiện: a) Thông qua thỏa thuận thương mại với doanh nghiệp viễn thông Việt Nam*” tại khoản 2 Điều 25 dự thảo Luật có thể thiếu khả

²⁰ Theo kinh nghiệm quốc tế, hiện nay về cơ bản, các dịch vụ OTT (Over-the-Top) có thể được chia thành 02 loại chính: (1) Dịch vụ OTT viễn thông: Liên minh viễn thông quốc tế (ITU-2019) định nghĩa dịch vụ OTT viễn thông là các dịch vụ, ứng dụng được truy nhập và cung cấp qua mạng Internet công cộng mà có khả năng thay thế về chức năng hoặc đặc tính kỹ thuật cho các dịch vụ viễn thông truyền thống. (2) Dịch vụ OTT cung cấp nội dung thông tin: các dịch vụ, ứng dụng khác trên Internet như mạng xã hội, truyền hình Internet, âm nhạc, phim ảnh... Các dịch vụ OTT cung cấp nội dung thông tin không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật viễn thông. Dịch vụ OTT cung cấp nội dung thông tin trong lĩnh vực nào thì tuân thủ các quy định của pháp luật quản lý lĩnh vực đó.

thi trong áp dụng thực tế, gây lo ngại cho doanh nghiệp về vấn đề cạnh tranh, có thể làm hạn chế sự phát triển của các dịch vụ OTT tại Việt Nam.

- Hiện nay, Bộ Quy tắc Truyền thông Điện tử châu Âu (EECC - The European Electronic Communications Code) không yêu cầu các dịch vụ OTT phải bảo đảm chất lượng dịch vụ (QoS) hoặc tuân thủ các yêu cầu QoS.

Vì vậy, Thường trực Ủy ban KH,CN&MT đề nghị nghiên cứu chỉnh lý các quy định nêu trên để bảo đảm chặt chẽ, khả thi, phù hợp; rà soát việc quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ OTT cần gắn với quy định về quyền lợi của các doanh nghiệp này. Đề nghị cân nhắc, chỉ nên luật hóa những nội dung đã được đồng thuận, đối với những nội dung chưa có sự thống nhất, chỉ nên quy định một số nội dung mang tính nguyên tắc trong dự thảo Luật và sẽ được cụ thể hóa trong văn bản hướng dẫn để bảo đảm tính linh hoạt trong thực tế.

2.2. Về cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây (Điều 24) và cung cấp dịch vụ viễn thông qua biên giới đến người sử dụng dịch vụ trên lãnh thổ Việt Nam (Điều 25)

Thường trực Ủy ban KH,CN&MT nhận thấy, dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây hiện chưa được điều chỉnh đầy đủ bởi các luật hiện hành. Theo Cơ quan chủ trì soạn thảo thì 02 dịch vụ này được xem là dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng, do đó cần phải có chế tài quản lý. Về nội dung này, Thường trực Ủy ban nhất trí cần phải có sự quản lý của Nhà nước đối với các dịch vụ này; tuy nhiên đề nghị cần rà soát, làm rõ sự khác biệt về các sản phẩm và dịch vụ được cung cấp giữa dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây và dịch vụ viễn thông. Việc áp dụng các quy định pháp luật về dịch vụ viễn thông đối với dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây phải được cân nhắc để tránh việc làm tăng chi phí hoạt động của doanh nghiệp, làm ảnh hưởng đến lợi ích mà các dịch vụ này mang lại cho nền kinh tế, tác động tiêu cực đến khả năng thu hút đầu tư nước ngoài vào việc phát triển các trung tâm dữ liệu, cung cấp dịch vụ điện toán đám mây tại Việt Nam.

Ngoài ra, đề nghị cần cân nhắc các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 25 để đảm bảo tính khả thi²¹. Bên cạnh đó theo dự thảo Luật, ngoài các nghĩa vụ chung của nhà cung cấp dịch vụ qua biên giới (Điều 25), doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây còn có các nghĩa vụ khác, bao gồm cả việc tiến hành kịp thời các biện pháp cần thiết để ngăn chặn việc truy nhập thông tin hoặc ngừng cung cấp dịch vụ cho tổ chức, cá nhân khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền do thông tin đang được lưu trữ là trái pháp luật (Điều 24). Tuy nhiên, Thường trực Ủy ban KH,CN&MT cho rằng, quy định “*theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền*”, “*do thông*

²¹ Về việc yêu cầu **phải có thỏa thuận thương mại** với với doanh nghiệp viễn thông Việt Nam, doanh nghiệp viễn thông Việt Nam tham gia thỏa thuận thương mại với tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ viễn thông qua biên giới đến người sử dụng dịch vụ viễn thông trên lãnh thổ Việt Nam **phải có phương án kỹ thuật cần thiết** để bảo đảm an ninh thông tin và thực hiện ngăn chặn khẩn cấp, ngừng cung cấp dịch vụ viễn thông theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền là khó khả thi.

tin đang được lưu trữ là trái pháp luật” có nội hàm rất rộng, dễ tạo ra gánh nặng nghĩa vụ và sự không chắc chắn về yêu cầu pháp lý đối với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ. Vì vậy, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc, rà soát, sửa đổi theo hướng quy định chi tiết cụ thể hơn, tránh phát sinh các vướng mắc trong thực tế.

- Có ý kiến cho rằng, dự thảo Luật quy định các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông qua biên giới đến người sử dụng dịch vụ trên lãnh thổ Việt Nam phải đáp ứng yêu cầu bảo đảm “...*các mục tiêu chính sách công cộng chính đáng*” (khoản 2 Điều 25) trong khi không giải thích rõ nội hàm của khái niệm này có thể dẫn đến cách hiểu, cách vận dụng không thống nhất trong thực tiễn. Do đó, đề nghị cân nhắc, thể hiện rõ ràng nội dung “*các mục tiêu chính sách công cộng chính đáng*” để bảo đảm tính cụ thể, khả thi của quy định này²².

3. Về Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam (Điều 34)

Theo Luật Viễn thông năm 2009, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam là tổ chức tài chính nhà nước, hoạt động không vì mục đích lợi nhuận để hỗ trợ thực hiện chính sách của Nhà nước về cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (Điều 22). Về nguyên tắc, Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích có nguồn thu từ các khoản đóng góp theo tỷ lệ doanh thu dịch vụ viễn thông của các doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ điện thoại quốc tế với mức đóng góp phải trích nộp doanh thu tối đa không quá 5% doanh thu dịch vụ viễn thông²³. Theo từng thời kỳ, Thủ tướng Chính phủ quy định cụ thể danh mục dịch vụ viễn thông phải trích nộp doanh thu vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam và mức đóng góp đối với từng dịch vụ trong Danh mục này; cũng như quyết định quy định cơ chế đóng góp và sử dụng nguồn tài chính của Quỹ²⁴.

Về Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích, Thường trực Ủy ban KH,CN&MT nhận thấy hiện đang có 02 loại ý kiến như sau:

- *Loại ý kiến thứ nhất* cho rằng, những kết quả, mặt tích cực của mục tiêu Quỹ trong thời gian qua là hỗ trợ thực hiện chính sách của Nhà nước về cung cấp dịch vụ viễn thông công ích để bảo đảm tính linh hoạt và kịp thời trong việc triển khai các hoạt động viễn thông công ích ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, các khu vực kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; nhằm giảm bớt sự chênh lệch về khoảng cách số giữa các vùng miền; đáp ứng cam kết của Việt Nam về

²² Ý kiến tham gia thẩm tra của Ủy ban Tài chính – Ngân sách.

²³ Khoản 3 Điều 14 Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 6/4/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông năm 2009.

²⁴ Theo Quyết định số 1168/QĐ-TTg ngày 24/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 thì mức đóng góp là 1,5% doanh thu các dịch vụ viễn thông; Theo Quyết định số 868/QĐ-TTg ngày 16/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ thì mức đóng góp (từ tháng 7/2018) chỉ còn 0,7% doanh thu các dịch vụ viễn thông. Từ năm 2022, mức đóng góp của doanh nghiệp viễn thông là 1,5% doanh thu dịch vụ viễn thông nhưng thời gian đóng do Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định dựa trên cơ sở cân đối thu chi của Quỹ (theo Quyết định 2269/QĐ-TTg ngày 31/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025).

quản lý nhà nước dịch vụ viễn thông công ích khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) năm 2007; phù hợp với xu thế của các nước trên thế giới. Vì vậy, đề nghị cần thiết phải duy trì Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích.

- *Loại ý kiến thứ hai* đề nghị cần đánh giá đầy đủ về các khoản đóng góp vào Quỹ và các nhiệm vụ chi của Quỹ. Khoản đóng góp của doanh nghiệp vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích là một khoản thu có tính chất bắt buộc, mang tính chất “thuế” bổ sung trên doanh thu đối với các doanh nghiệp viễn thông. Một số nhiệm vụ chi của Quỹ còn trùng lặp với nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước, như chi hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận các dịch vụ viễn thông công ích; chi thực hiện một số dự án công nghệ thông tin, hạ tầng viễn thông của các Bộ Công an, Bộ Quốc phòng... Tổng nguồn thu lớn nhưng chi sử dụng cho việc thực hiện chức năng nhiệm vụ rất thấp, chủ yếu là chi cho đảm bảo bộ máy²⁵. Hơn nữa, việc đề ra cơ chế thu dẫn đến tồn Quỹ lớn²⁶, trong khi ngân sách nhà nước còn thiếu hụt và phải điều tiết nguồn thu của Quỹ về ngân sách nhà nước là chưa phù hợp. Hiện nay, dịch vụ viễn thông cơ bản phủ sóng rộng khắp²⁷; việc đóng góp Quỹ được áp dụng đối với tất cả các doanh nghiệp viễn thông có thu nhập, nhất là các doanh nghiệp nhỏ, mới hoạt động có lãi sẽ là chưa thỏa đáng trong bối cảnh kinh tế đang gặp khó khăn. Đồng thời, thủ tục thanh quyết toán đối với các nhiệm vụ chi này cũng có những khó khăn²⁸. Vì vậy, đề nghị xem xét, cân nhắc bỏ Quỹ này²⁹.

Căn cứ vào kết quả của các cuộc khảo sát thực tế tại địa phương về các hoạt động viễn thông công ích, phân tích, đánh giá 02 loại ý kiến nêu trên, Thường trực Ủy ban KH,CN&MT đề nghị nên tiếp tục duy trì Quỹ theo như đề nghị tại Tờ trình số 97/TTr-CP ngày 31/3/2023 của Chính phủ. Tuy nhiên, dự thảo Luật cần cân nhắc để luật hóa các nội dung đã được quy định tại các quyết định của Thủ tướng Chính phủ và triển khai thực hiện ổn định trong thời gian

²⁵ Theo Báo cáo số 463/BC-ĐGS ngày 22/10/2019 của Đoàn giám sát Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách nhà nước giai đoạn 2013 - 2018: Trong giai đoạn 2013-2018, tổng nguồn thu đã thu của các doanh nghiệp viễn thông là 6.776 tỷ đồng; kinh phí đã sử dụng cho việc thực hiện chức năng nhiệm vụ là 389 tỷ đồng, chỉ đạt 5,82% kinh phí đã thực thu, trong khi kinh phí chi cho đảm bảo bộ máy Quỹ là 131 tỷ đồng (tương đương 33,67% kinh phí đã giải ngân cho mục đích viễn thông công ích, 18,26% giá trị sản lượng thực hiện), tổng số CBCNV xấp xỉ 90 người.

²⁶ Theo Báo cáo số 5137/BTTTT-KHTC ngày 16/12/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông về tình hình hoạt động của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam giai đoạn 2016-2022 thì tổng thu: 8.182,3 tỷ đồng, tổng chi: 2.755,3 tỷ đồng, còn 5.427 tỷ đồng.

²⁷ Theo Báo cáo đánh giá tác động chính sách của dự án Luật, hiện nay đã có hơn 1 triệu km cáp quang đã được triển khai đến tận thôn/bản/xã/phường của 63/63 tỉnh, thành phố trên cả nước, sóng di động đã phủ tới 99,8% dân số (trong đó, vùng phủ 3G, 4G phục vụ trên 99% dân số)...

²⁸ Vương mặc việc xác định người đại diện hợp pháp của Vietnamobile để thanh quyết toán Hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ viễn thông công ích năm 2020 (Hợp đồng số 03PA20/2020/HĐ/VTCI-VNM giữa Vietnamobile với Ban Quản lý Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích). Tuy nhiên, khi làm thủ tục thanh toán, Quỹ dịch vụ VTCI cho rằng người đại diện hợp pháp của Vietnamobile khi ký kết Hợp đồng là không hợp pháp. Cuối cùng, Quỹ dịch vụ VTCI đã thanh toán cho Vietnamobile sau 21 tháng (số tiền là 24.965.601 đồng).

²⁹ Đa số ý kiến Thường trực Ủy ban TCNS (Báo cáo số 1097/UBTCNS15 ngày 7/4/2023); Hội đồng Dân tộc đề nghị đánh giá kỹ và cân nhắc việc duy trì Quỹ (Báo cáo số 918/BC-HĐDT15 ngày 6/4/2023).

qua liên quan đến các nguyên tắc hoạt động, nhiệm vụ, quyền hạn của Quỹ để bảo đảm tính minh bạch, rõ ràng, cụ thể của Luật và tăng tính hiệu quả trong hoạt động của Quỹ này. Các quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ cần được rà soát, hoàn thiện để phù hợp với mục tiêu của Quỹ là hỗ trợ thực hiện chính sách của Nhà nước về cung cấp dịch vụ viễn thông “*công ích*” và các quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

4. Về cấp giấy phép viễn thông (Chương IV)

Có ý kiến Thường trực Ủy ban KH,CN&MT cho rằng, hiện nay để các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu (IDC - Internet Data Center) hoạt động được thì các doanh nghiệp này đã phải đăng ký thành phần Internet theo quy định pháp luật hiện hành về viễn thông. Tuy nhiên, theo Điều 36 dự thảo Luật về Hình thức cấp giấy phép viễn thông, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây phải làm thêm thủ tục cấp phép nhóm nữa trong khi các điều kiện đối với loại hình này chỉ cần thực hiện thêm thủ tục khai báo đăng ký, quản lý bằng các tiêu chuẩn kỹ thuật. Mặt khác, dự thảo Luật đang hướng doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây tự cam kết tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định, trong quá trình doanh nghiệp hoạt động, cơ quan nhà nước chỉ tiến hành hậu kiểm nhằm đảm bảo việc tuân thủ quy định. Vì vậy, Thường trực Ủy ban KH,CN&MT đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý theo hướng cấp phép cho doanh nghiệp dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây theo hình thức đăng ký.

Ngoài ra, Thường trực Ủy ban KH,CN&MT nhận thấy, việc quy định “*trường hợp giấy phép có thời hạn cấp lần đầu bằng thời hạn tối đa quy định cho loại giấy phép đó thì khi giấy phép hết hạn sử dụng, chỉ được xem xét gia hạn không quá một năm*” (điểm b khoản 1 Điều 42 dự thảo Luật) là chưa đảm bảo công bằng, phù hợp với các trường hợp gia hạn khác. Hơn nữa, để bảo đảm thống nhất với quy định của Luật Tần số vô tuyến điện, Thường trực Ủy ban KH,CN&MT đề nghị bỏ quy định về xem xét gia hạn thêm không quá 01 năm. Đồng thời, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát kỹ các trường hợp khác ngoài việc *sửa đổi, bổ sung, cấp mới giấy phép viễn thông*, tránh bỏ sót³⁰.

5. Về kết nối và chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông (Chương V)

Thường trực Ủy ban KH,CN&MT thấy rằng, việc sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật là một chính sách đang được Nhà nước khuyến khích nhằm tránh việc các đơn vị thi công rải rác, không đồng bộ, ảnh hưởng đến quy hoạch không gian nói chung. Đồng thời, pháp luật về viễn thông luôn khuyến khích các doanh nghiệp viễn thông chia sẻ cơ sở hạ tầng “... *nhằm bảo đảm thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông hiệu quả, thuận lợi, nhanh chóng hoặc bảo đảm yêu*

³⁰ Điều 42 dự thảo Luật chỉ quy định điều kiện các trường hợp gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp mới giấy phép viễn thông. Tuy nhiên, Điều 30 dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông lại quy định thêm trường hợp cấp lại giấy phép viễn thông.

câu về cảnh quan, môi trường và quy hoạch đô thị” (khoản 1 Điều 45 Luật Viễn thông năm 2009).

Tuy nhiên, qua nghiên cứu, khảo sát cho thấy, việc kết nối và chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông đang gặp rất nhiều khó khăn vướng mắc từ khâu quy hoạch cho đến tổ chức thực hiện (nhất là vấn đề đơn giá cho thuê hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung). Mặc dù có văn bản hướng dẫn³¹ về cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung nhưng nội dung chưa được rõ ràng và gây nhiều tranh cãi khi áp dụng trên thực tế. Hơn nữa, các quy định này được ban hành từ năm 2012-2013, hiện nay không còn phù hợp tình trạng hạ tầng thụ động dùng chung, gây vướng mắc giữa các doanh nghiệp. Cụ thể, thực tế cho thấy tồn tại một số doanh nghiệp nắm giữ cơ sở hạ tầng viễn thông không tạo điều kiện cho các doanh nghiệp khác tham gia sử dụng chung, đặc biệt là quy định mức giá cao hơn nhiều lần so với đơn giá được Ủy ban nhân dân địa phương ban hành và khuyến khích áp dụng. Các doanh nghiệp nắm giữ cơ sở hạ tầng viễn thông có thể liên tục tăng giá do quy định pháp luật chỉ yêu cầu thực hiện thông báo đăng ký giá thuê với Sở Tài chính mà không phải thông qua thẩm định, xác nhận của các cơ quan chuyên ngành về viễn thông³². Điều này dẫn đến tình trạng “độc quyền”, giá thuê bị đẩy quá cao, đột ngột.

Do đó, một số ý kiến đề nghị xem xét bổ sung tại Điều 68 (Quản lý công trình viễn thông) quy định về việc cơ quan quản lý nhà nước quản lý đơn giá cho thuê hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động dùng chung. Quy trình phê duyệt của cơ quan quản lý nhà nước khi doanh nghiệp sở hữu hạ tầng dùng chung thay đổi đơn giá cho thuê (theo hướng tăng so với đơn giá hiện tại) cần phải được sự phê duyệt của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, có quyết định phê duyệt bằng văn bản về đơn giá cho thuê mới thì mới được áp dụng; trong thời gian chờ phê duyệt đơn giá cho thuê mới thì đơn giá hiện hữu vẫn được áp dụng³³.

6. Về tài nguyên viễn thông (Chương VI)

6.1. Về phân bổ, sử dụng, hoàn trả kho số viễn thông, tài nguyên Internet (Điều 52)

³¹ Nghị định số 72/2012/NĐ-CP và Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT ngày 30/12/2013 về hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung (Tại khoản 1 Điều 6 quy định “*Tổ chức, cá nhân căn cứ quy định tại Điều 3 và phương pháp xác định giá thuê tại Thông tư liên tịch này để định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung do mình đầu tư (ngoài nguồn ngân sách nhà nước) và thỏa thuận với tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng*” và tại khoản 3 Điều 8 “*Đối với công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung do tổ chức, cá nhân định giá thì niêm yết giá thuê do tổ chức, cá nhân đã thông báo đăng ký giá thuê với cơ quan có thẩm quyền gắn với chất lượng, thông số kinh tế - kỹ thuật chủ yếu, điều kiện áp dụng giá và không được cho thuê cao hơn giá đã niêm yết*”).

³² Quy định tại Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT.

³³ Các quy định pháp luật và Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT chưa quy định rõ ràng về vấn đề quản lý của cơ quan nhà nước khi một doanh nghiệp sở hữu hạ tầng kỹ thuật dùng chung thay đổi đơn giá cho thuê, dẫn đến các tranh chấp giữa các doanh nghiệp về đơn giá diễn ra rất phức tạp.

Khoản 3 Điều 52 dự thảo Luật quy định đối với các mã, số đã tổ chức đấu giá 01 lần nhưng không thành được phép phân bổ trực tiếp cho doanh nghiệp với giá phải trả bằng giá khởi điểm đấu giá. Ngoài ra, điểm b khoản 2 Điều 52 dự thảo Luật quy định về phân bổ trực tiếp đối với kho số viễn thông, tài nguyên Internet đã thực hiện đấu giá nhưng không thành song chưa quy định cụ thể mức giá doanh nghiệp phải trả đối với kho số viễn thông, tài nguyên Internet trong trường hợp phân bổ này. Do đó, đề nghị cân nhắc, bổ sung quy định cụ thể hơn để bảo đảm tính đầy đủ, chặt chẽ của Luật³⁴.

6.2. Về thu hồi kho số viễn thông, tài nguyên Internet (Điều 54)

Khoản 4 Điều 54 dự thảo Luật quy định “Nhà nước bồi thường cho tổ chức, cá nhân bị thu hồi kho số viễn thông, tài nguyên Internet quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này”. Tuy nhiên, dự thảo Luật chưa quy định cụ thể các nội dung liên quan đến việc Nhà nước bồi thường trong trường hợp thu hồi kho số viễn thông, tài nguyên Internet như mức bồi thường, các hình thức bồi thường... dẫn đến chưa bảo đảm đủ căn cứ cho quá trình triển khai thực hiện. Do đó, đề nghị cân nhắc, bổ sung các nội dung liên quan để xác lập đủ hành lang pháp lý cho quá trình thực thi Luật³⁵.

7. Về quản lý tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng và giá cước viễn thông (Chương VII)

Thường trực Ủy ban KH,CN&MT nhận thấy các quy định (Điều 55 và Điều 56) về Quy chuẩn Việt Nam, Tiêu chuẩn Việt Nam trong lĩnh vực viễn thông về cơ bản giữ nguyên như Luật Viễn thông năm 2009 và phù hợp với quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật hiện hành, bao quát được lĩnh vực quản lý. Tuy nhiên, các luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn, luật về chất lượng hàng hóa đang trong quá trình sửa đổi, bổ sung, do đó đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục nghiên cứu, rà soát để thể hiện trong dự thảo Luật cho phù hợp.

Khoản 3 Điều 62 quy định về “gói dịch vụ viễn thông di động và dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động theo quy định pháp luật liên quan” nhưng chưa rõ nội hàm của khái niệm “gói dịch vụ viễn thông” là gì. Do đó, Thường trực Ủy ban KH,CN&MT đề nghị cần làm rõ nội hàm của khái niệm này và bổ sung vào phần giải thích từ ngữ.

8. Về công trình viễn thông (Chương VIII)

Khoản 1 Điều 64 dự thảo Luật quy định công trình viễn thông được lắp đặt trên đất công, trụ sở công, công trình công, địa điểm công và các tài sản công khác; ưu tiên sử dụng không gian, mặt đất, lòng đất, đáy sông, đáy biển. Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng được ưu tiên đặt tại nhà ga, bến xe, cảng biển, cảng hàng không, cửa khẩu và các địa điểm công cộng khác để phục vụ nhu cầu của người sử dụng dịch vụ viễn thông. Thường trực Ủy ban KH,CN&MT đề nghị rà soát các luật liên quan (như Luật Đất đai, Luật Quản lý

³⁴ Ý kiến tham gia thẩm tra của Ủy ban Tài chính – Ngân sách.

³⁵ Ý kiến tham gia thẩm tra của Ủy ban Tài chính – Ngân sách.

sử dụng tài sản công) để thống nhất các quy định, khái niệm liên quan như *đất công, trụ sở công, công trình công, địa điểm công*.

Một trong những mục tiêu quan trọng của việc sửa đổi Luật Viễn thông lần này là phải thúc đẩy và huy động các thành phần kinh tế tham gia xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông phục vụ cho chuyển đổi số quốc gia, phát triển nền kinh tế số. Tuy nhiên, Thường trực Ủy ban KH,CN&MT thấy rằng, dự thảo Luật chưa có quy định về cơ chế thu hút đầu tư xây dựng hạ tầng viễn thông quan trọng. Do đó, đề nghị nghiên cứu bổ sung, quy định rõ cơ sở hạ tầng viễn thông nào Nhà nước có trách nhiệm đầu tư, cơ sở hạ tầng viễn thông nào cần khuyến khích, thu hút doanh nghiệp để xây dựng, phát triển gắn với các quy định cụ thể.

9. Về điều khoản thi hành (Chương X)

9.1. Về sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan (Điều 71)

Khoản 1 Điều 71 dự thảo Luật quy định “*Thay thế cụm từ “Giấy phép thiết lập mạng viễn thông” thành “Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng” tại Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009 được sửa đổi bổ sung tại Luật số 09/2022/QH15 ngày 09 tháng 11 năm 2022*”.

Thường trực Ủy ban KH,CN&MT nhận thấy, vấn đề này đã được Quốc hội xem xét, thảo luận kỹ lưỡng khi thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện tại Kỳ họp thứ 3 (tháng 10/2022). Vì vậy, Thường trực Ủy ban KH,CN&MT đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, nghiên cứu đề xuất này cho hợp lý.

9.2. Về quy định chuyển tiếp (Điều 73)

Điều 73 dự thảo Luật quy định “Giấy phép thiết lập mạng viễn thông công cộng, giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông được cấp theo quy định của Luật Viễn thông số 41/2009/QH12 tiếp tục có hiệu lực đến hết thời hạn ghi trong giấy phép”.

Thường trực Ủy ban KH,CN&MT nhận thấy, việc điều chỉnh các quy định về cấp phép kinh doanh viễn thông để đảm bảo các mục tiêu quản lý Nhà nước cũng như phù hợp với các loại mạng, dịch vụ xin cấp phép khác nhau là cần thiết, hợp lý. Tuy nhiên, cần phải rà soát, xem xét kỹ lưỡng quy định tại Điều 73 dự thảo Luật để xử lý thỏa đáng mọi trường hợp, như việc xử lý đối với trường hợp doanh nghiệp có nhiều loại giấy phép khác nhau, hiệu lực giấy phép có thời gian hết hạn ở những thời điểm khác nhau. Do đó, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, điều chỉnh quy định vấn đề này để bảo đảm chặt chẽ, phù hợp về mặt pháp lý.

10. Các vấn đề khác

Ngoài những vấn đề nêu trên, Thường trực Ủy ban KH,CN&MT đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện một số nội dung sau:

- Làm rõ khái niệm “độc quyền” tại khoản 25 Điều 3 dự thảo Luật với “vị trí độc quyền” tại Điều 25 Luật Cạnh tranh; xem xét thay thuật ngữ “chiếm giữ” bằng “sở hữu hoặc chiếm hữu” cho phù hợp với quy định của Bộ Luật Dân sự³⁶.

- Thay thế cụm từ “tạo điều kiện thuận lợi” bằng “ưu tiên” tại khoản 3, làm rõ “lĩnh vực khác” tại khoản 4³⁷; bổ sung “bãi ngang ven biển” vào khoản 3 Điều 4 dự thảo Luật³⁸.

- Giao Chính phủ quy định việc bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin trong hoạt động viễn thông thay vì giao Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ trưởng Bộ Công an như Điều 5 dự thảo Luật³⁹.

- Cần quy định giới hạn thông tin cụ thể (khoản 4 Điều 6 dự thảo Luật) mà các doanh nghiệp viễn thông được trao đổi phục vụ cho mục đích cụ thể để tránh lạm dụng quyền này của doanh nghiệp và bảo đảm tối đa bí mật thông tin của người sử dụng⁴⁰.

- Rà soát, thể hiện lại khoản 2 Điều 8 dự thảo Luật (05 nguyên tắc của việc xây dựng quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia) cho phù hợp với các nguyên tắc quy định tại Điều 4 của Luật Quy hoạch.

- Thể hiện lại khoản 1 Điều 9 dự thảo Luật như sau: “... kích động bạo lực, dâm ô, đồi trụy, hành vi độc ác, hành vi vi phạm pháp luật, tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan; phá hoại thuần phong, mỹ tục, truyền thống văn hóa dân tộc”⁴¹.

- Làm rõ khái niệm “*Tổ chức cung cấp dịch vụ viễn thông*” tại khoản 1 Điều 22 dự thảo Luật, bao gồm những đối tượng nào và khác gì với khái niệm “doanh nghiệp viễn thông” được quy định tại khoản 29 Điều 3 dự thảo Luật.

- Dự thảo Luật tuy đã giao Chính phủ quy định chi tiết 03 thủ tục: (1) thủ tục ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh dịch vụ viễn thông (khoản 4 Điều 27); (2) tục cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi giấy phép viễn thông (khoản 4 Điều 35); (3) thủ tục đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông (khoản 3 Điều 37), nhưng chưa quy định và cũng không giao Chính phủ quy định chi tiết thủ tục yêu cầu chấm dứt hoạt động. Do đó, cần bổ sung đầy đủ các thủ tục cần thiết⁴².

- Dự án Luật tuy đã bãi bỏ 06 thủ tục hành chính, nhưng lại quy định mới 11 thủ tục hành chính. Do đó, cần nhắc để loại bỏ, giảm bớt thủ tục hành chính⁴³.

- Dự thảo Luật có tới 22 điều, khoản giao Chính phủ⁴⁴, Thủ tướng Chính

³⁶ Ý kiến tham gia thẩm tra của Hội đồng Dân tộc.

³⁷ Ý kiến tham gia thẩm tra của Hội đồng Dân tộc.

³⁸ Ý kiến tham gia thẩm tra của Ủy ban Xã hội.

³⁹ Ý kiến tham gia thẩm tra của Ủy ban Xã hội.

⁴⁰ Ý kiến tham gia thẩm tra của Ủy ban Xã hội.

⁴¹ Ý kiến tham gia thẩm tra của Ủy ban Xã hội.

⁴² Ý kiến tham gia thẩm tra của Ủy ban Tư pháp.

⁴³ Ý kiến tham gia thẩm tra của Ủy ban Tư pháp.

⁴⁴ Khoản 2 Điều 12; khoản 1 Điều 18; khoản 3 và khoản 6 Điều 20; khoản 3 Điều 21; khoản 1 Điều 23; khoản 6 Điều 24; khoản 8 Điều 25; khoản 4 Điều 27; khoản 4 Điều 35, khoản 3 Điều 37; khoản 4 Điều 39; khoản 3 Điều 45; khoản 4 Điều 51; khoản 9 Điều 52; khoản 4 Điều 62; khoản 2 Điều 67.

phủ⁴⁵, Bộ trưởng⁴⁶ ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành. Điều này chưa thực sự đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 8 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: “*văn bản quy phạm pháp luật phải quy định cụ thể nội dung cần điều chỉnh, không quy định chung chung...*”.

- Xem xét, có giải pháp xử lý nhà mạng vẫn phải nộp phí sử dụng kho số đối với các trường hợp thuê bao đã chuyển mạng giữ số.

- Bỏ Chương IX (Trách nhiệm quản lý nhà nước về viễn thông) và chuyển nội dung của Chương này về Chương I (Những quy định chung).

- Rà soát văn phong, kỹ thuật lập pháp, lỗi kỹ thuật, sử dụng từ ngữ⁴⁷.

*

* *

Trên đây là Báo cáo thẩm tra sơ bộ dự án Luật Viễn thông (sửa đổi), Thường trực Ủy ban KH,CN&MT trân trọng báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**TM. THƯỜNG TRỰC ỦY BAN
CHỦ NHIỆM**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TTUB KH,CN&MT;
- Lưu: HC, KHCNMT;
- E-pas: 30875

(đã ký)

Lê Quang Huy

⁴⁵ Khoản 1 Điều 11.

⁴⁶ Khoản 8 và khoản 9 Điều 5; khoản 4 Điều 47; khoản 4 Điều 48.

⁴⁷ Như: khoản 3 Điều 62 dự thảo Luật “Tài khoản SIM thuê bao di động được dùng để thanh toán...”; thiếu điểm c tại Điều 60 về Thẩm quyền, trách nhiệm quản lý giá cước viễn thông; cân nhắc sử dụng “bao gồm nhưng không giới hạn” tại khoản 4 Điều 6 dự thảo Luật vì khó hiểu, chưa đảm bảo, phù hợp với ngôn ngữ tiếng Việt.